

---

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN THẾ GIỚI 2002

# Xây dựng Thể chế Hỗ trợ Thị trường

## Tổng quan

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2002

© 2002 Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế/Ngân hàng Thế giới  
1818 H. Street, N.W., Washington, D.C. 20433, Hoa Kỳ .

Thiết kế bìa: Debrra Naylor, Naylor Design, Inc.  
Ảnh bìa: ảnh trên, © 2001 Stephen Simpson/FPG; ảnh giữa, © 2001 Stone/Paul Chesley; ảnh dưới, Yosef Hadar, Ngân hàng Thế giới.  
Thiết kế bên trong và xếp chữ: Barton Matheson Willse & Worthington, Baltimore.

Làm tại Hoa Kỳ  
In lần đầu vào tháng Chín 2001

Tập sách này là sản phẩm của các nhân viên Ngân hàng Thế giới. Những kết luận ở đây không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ban Giám Đốc hay những nước họ làm đại diện. Ngân hàng Thế giới không bảo đảm mức độ chính xác của các dữ liệu trong ấn bản này và cũng không nhận trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào về hậu quả của việc sử dụng những dữ liệu này. Các đường biên giới, màu sắc, tên gọi và các thông tin khác được nêu ở bất kỳ bản đồ nào trong tập sách không phải là phán quyết của Ngân hàng Thế giới về vị trí địa lý của bất kỳ lãnh thổ nào hoặc là sự ủng hộ hay chấp nhận những đường biên giới như vậy.

---

# Mục lục

## PHẦN I PHẦN GIỚI THIỆU

### 1. Xây dựng thể chế: Bổ sung, đổi mới, liên kết, và cạnh tranh

Các thể chế hỗ trợ thị trường như thế nào? .....	
Các thể chế hỗ trợ tăng trưởng và giảm nghèo đói như thế nào? .....	
Làm thế nào để xây dựng thể chế có hiệu quả? .....	
Cơ cấu và phạm vi của Báo cáo .....	
Kết luận .....	

## PHẦN II. CÁC DOANH NGHIỆP

### 2. Nông dân

Xây dựng các thể chế đất nông thôn được bảo đảm và có khả năng chuyển nhượng hơn .....	
Xây dựng các thể chế tài chính nông thôn có hiệu quả và dễ tiếp cận .....	
Xây dựng các thể chế có hiệu quả đối với công nghệ nông nghiệp và đổi mới .....	
Kết luận .....	

### 3. Quản trị doanh nghiệp

Các doanh nghiệp trên thế giới có đặc điểm gì? .....	
Các thể chế quản trị tư nhân đối với doanh nghiệp .....	
Các luật và trung gian chính thức .....	
Kết luận .....	

### 4. Hệ thống tài chính

Các nhà hoạch định chính sách nên khuyến khích hệ thống tài chính dựa vào ngân hàng hay dựa vào thị trường? .....	
Cần áp dụng hình thức điều tiết tài chính như thế nào? .....	
Tăng cường hiệu quả trong khu vực tài chính: vai trò của sở hữu và cạnh tranh .....	
Sự gia nhập của tác nhân nước ngoài và tài chính điện tử có thể làm thay đổi bản chất của thị trường tài chính .....	
Làm thế nào để tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính .....	

Kết luận .....

## PHẦN III CHÍNH PHỦ

### 5. Các thể chế chính trị và quản trị

Các thể chế chính trị và sự lựa chọn chính sách .....

Tham nhũng .....

Chính trị, thể chế, và thuế khoá .....

Kết luận .....

### 6. Hệ thống tư pháp

So sánh các hệ thống pháp luật và tư pháp .....

Các bằng chứng mới về hai khía cạnh của hệ thống tư pháp: tốc độ và chi phí .....

Các nỗ lực cải cách tư pháp .....

Sự công bằng .....

Kết luận .....

### 7. Cạnh tranh

Cạnh tranh trong nước .....

Cạnh tranh quốc tế .....

Kết luận .....

### 8. Điều tiết cơ sở hạ tầng

Cạnh tranh trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng .....

Cơ cấu của hệ thống điều tiết .....

Thiết kế việc điều tiết cơ sở hạ tầng để phân phối dịch vụ tới người nghèo .....

Kết luận .....

## PHẦN IV XÃ HỘI

### 9. Chuẩn mực và hệ thống

Thể chế không chính thức trên thị trường: lợi ích và hạn chế .....

Xây dựng và thích nghi các thể chế chính thức .....

Sự hội nhập giữa thể chế chính thức và thể chế không chính thức .....

Kết luận .....

### 10. Phương tiện truyền thông đại chúng

Sự độc lập .....

Chất lượng .....

Mở rộng tầm hoạt động của các phương tiện truyền thông .....

Các thể chế bổ sung cho truyền thông .....

Kết luận .....

### Chú thích tài liệu tham khảo

### Các chỉ số phát triển thế giới chọn lọc

# Xây dựng thể chế: Bổ sung, đổi mới, liên kết, và cạnh tranh

*Chúng ta giải thích như thế nào về sự tồn tại dai dẳng của nghèo khổ ở giữa sự sung túc? Nếu chúng ta đã biết nguồn gốc của sự sung túc thì tại sao các nước nghèo lại không đơn giản, chấp nhận các chính sách tiến đến sự sung túc đó?... Chúng ta phải tạo nên các kích thích để mọi người đầu tư vào các công nghệ hiệu quả hơn, nâng cao kỹ năng của họ, và tổ chức các thị trường một cách hiệu quả. Những kích thích đó được thể hiện trong thể chế.*

- Douglass, C. North, 2000

Ở thế kỷ 11, những thương nhân vùng Maghribi ở Bắc Phi gặp một vấn đề khó khăn: Họ muốn mở rộng hoạt động sang bên kia bờ Địa Trung Hải nhưng sự bấp bênh đã cản trở kế hoạch của họ. Đó là các bấp bênh về giá cả ở các vùng đất xa xôi, khả năng bị trộm cắp trên đường vận chuyển, cũng như chất lượng hàng hoá khi đến nơi.

Cùng với thời gian, họ đã tìm được giải pháp. Họ thiết lập một mạng lưới đại lý người vùng Maghribi tại các trung tâm thương mại chính ở Địa Trung Hải để đại diện cho quyền lợi của mình và trao đổi thông tin về các thị trường. Bằng sự ràng buộc xã hội, thông tin được lưu thông tự do giữa các thương nhân này với nhau. Trộm cắp và lừa đảo rất ít vì lợi ích

của mỗi thành viên đều được đáp ứng tốt khi nằm trong mạng lưới của các thương nhân. Đồng thời, tư cách thành viên cũng được tự củng cố, mặc dù không hề có những quy định cụ thể bằng văn bản.<sup>1</sup>

Một thiên niên kỷ sau, nhân loại trên khắp thế giới lại phải đối mặt với những vấn đề tương tự trong nỗ lực cải thiện cuộc sống của mình thông qua các hoạt động thị trường. Các doanh nhân châu Phi không thể mở rộng được các cơ hội vì họ thiếu thông tin về các đối tác kinh doanh. Các nông dân nghèo ở châu Mỹ Latinh không thể sử dụng tài sản họ sở hữu để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Các doanh nhân mới nổi lên ở Trung Á trong những nỗ lực khởi dựng doanh nghiệp của mình gặp phải các trở ngại chính trị từ các hãng đang hoạt động và từ phía chính quyền.

Đối với những người này, và những người khác tương tự như họ, các thị trường không có kết quả. Điều đó có nghĩa là, các thị trường không tạo cho họ động lực để mở rộng hoạt động thương mại, không tạo được khả năng sử dụng đầy đủ các kỹ năng và nguồn lực của họ, không tạo cho họ cơ hội để tăng thêm thu nhập và tích lũy tài sản.

Bất chấp các khó khăn này, nhiều người ở những nước giàu và nghèo vẫn tham gia vào các

hoạt động thị trường có ích và sinh lợi. Như *Báo cáo Phát triển Thế giới 2000/2001* đã khẳng định, thu nhập từ việc tham gia thị trường có một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đối với các quốc gia và giảm tình trạng nghèo khổ cho các cá nhân. Báo cáo này đề cập tới việc tăng cơ hội cho người nghèo ở các thị trường và trao quyền cho họ. Điều gì khiến cho các hoạt động thị trường sinh lợi và khả dĩ đối với số người này lại không đối với những người khác? Tại sao một số hệ thống thị trường có tính không loại trừ và hợp nhất, cho phép lợi ích đến với cả người nghèo và người giàu, người ở nông thôn cũng như người ở thành thị? Và tại sao lại có những thị trường mang tính địa phương và phân mảnh?

Các thị trường hoạt động được khi có quy tắc, cơ chế thi hành và các tổ chức hỗ trợ giao dịch thị trường. Các thể chế này truyền tải thông tin, đảm bảo thi hành các quyền đối với tài sản và các hợp đồng, cũng như kiểm soát mức độ cạnh tranh theo những cách thức rất khác nhau. Và trong khi làm điều đó, chúng tạo cho con người cơ hội và động lực để tham gia các hoạt động thị trường sinh lợi. Những thể chế thị trường như vậy xuất phát từ đâu? Các nhà nước hay các cộng đồng có thể xây dựng các thể chế đó, và chúng có thể là các thể chế chính thức hay không chính thức (bảng 1).

Báo cáo này đề cập tới những người xây dựng thể chế hỗ trợ phát triển thị trường. Báo cáo 2000/2001 nhấn mạnh tầm quan trọng của các thể chế đối với sự tham gia của người nghèo trên thị trường. Báo cáo này đề cập tới các thể chế hỗ trợ tăng trưởng và các thể chế cản trở trực tiếp khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các hoạt động thị trường. Báo cáo xem xét những thể chế tạo cơ hội và trao quyền lực cho mọi người. Báo cáo này đi sâu hơn Báo cáo 2000/2001 bằng cách phân tích các thể chế làm gì để khuyến khích tăng trưởng và tăng khả năng tiếp cận, cũng như bằng cách khuyến nghị cách thức làm thế nào để xây dựng thể chế có hiệu quả. Báo cáo cũng nhấn mạnh các thể chế giúp con người làm thế nào sử dụng tốt hơn

**Bảng 1:****Ví dụ về các thể chế hỗ trợ thị trường**

Thể chế công cộng	Thể chế tư nhân
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hệ thống tư pháp</li> <li>• Các luật cạnh tranh</li> <li>• Các cơ quan giám sát ngân hàng</li> <li>• Các quy định công khai hóa thông tin đối với các công ty</li> <li>• Quyền đối với tài sản và luật về thừa kế tài sản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các phòng thương mại</li> <li>• Các tổ chức tín dụng</li> <li>• Những người cho vay tiền</li> <li>• Sự nhượng bộ giữa các đối tác kinh doanh</li> <li>• Các chuẩn mực về thừa kế đất đai</li> </ul>

những tài sản mình có và làm thế nào để tích lũy hơn nữa. Trong khi tập trung vào việc xây dựng thể chế, Báo cáo không hạ thấp vai trò của chính sách. Tuy nhiên, chính sách tốt vẫn chưa đủ. Nội dung chi tiết của xây dựng thể chế đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và giảm nghèo khổ.

Báo cáo đã đóng góp vào việc nghiên cứu thể chế và thị trường theo một số phương thức mới. Nó đề xuất một phạm vi chẩn đoán để hiểu cách thức các thể chế hỗ trợ hoạt động thị trường. Báo cáo đã thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực nghiệm trong nhiều lĩnh vực, và chính sách Báo cáo này đã được xây dựng trên các bằng chứng hiện có về vai trò của thể chế và sự thay đổi thể chế. Báo cáo khẳng định, không có một giải pháp chung duy nhất đối với việc thiết kế các thể chế. Hơn nữa, Báo cáo còn đề xuất cách thức để xây dựng các thể chế có hiệu quả hơn. Báo cáo cũng xem xét làm thế nào để các nhà hoạch định chính sách có thể thiết kế thể chế có hiệu quả hơn, cũng như làm thế nào để tạo ra các áp lực thay đổi. Báo cáo đã mở rộng các nghiên cứu thực nghiệm trước đây về thay đổi thể chế để áp dụng cho trường hợp các nước đang phát triển, và đề xuất một khung thay đổi thể chế phù hợp. Đồng thời, cũng đưa ra các chỉ dẫn chính sách dựa trên cách tiếp cận có tính thực tế cao. Mục tiêu của Báo cáo không phải là xác định cần phải làm gì trong một thể

giới lý tưởng, mà là có thể làm gì trong bối cảnh thể giới hiện nay.

Để có thể hiểu được động lực đưa tới sự thay đổi thể chế, Báo cáo đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của lịch sử. Nhiều nước đang phát triển, với tư cách là một quốc gia, có tuổi đời rất trẻ so với các nước công nghiệp. Quá trình phát triển của các quốc gia giúp chúng ta hiểu rằng, việc xây dựng thể chế đòi hỏi phải có thời gian. Mặt khác, quá trình xây dựng thể chế ở mỗi nước lại có thể bị trì hoãn hay đảo ngược do các xung đột chính trị hoặc do điều kiện kinh tế và xã hội. Nó cũng cho chúng ta biết về quá trình thay đổi và tầm quan trọng của sự lãnh đạo, các chuẩn mực và văn hoá ở mỗi nước. Nói chung, xây dựng thể chế là một quá trình tích lũy, trong đó một số thay đổi ở những lĩnh vực khác nhau sẽ có tác dụng hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Điều quan trọng là phải tìm ra những lĩnh vực cần thúc đẩy, nhờ đó mà các thay đổi trong lĩnh vực này có thể tạo áp lực thay đổi ở một lĩnh vực khác. Không phải tất cả các cải cách đều có khó khăn về mặt chính trị đối với tất cả các quốc gia. Bản chất của những gì là khó khăn cũng thay đổi theo thời gian. Điều cốt yếu là phải tiến về phía trước. Và Báo cáo này xác định rõ những yếu tố cơ bản của một chiến lược như thế. Tổng thể luôn lớn hơn các bộ phận hợp thành, thậm chí, ngay cả những tiến bộ vừa phải trong các bộ phận hợp thành cũng có thể góp phần để có được một hệ thống tốt hơn nhằm khuyến khích tăng trưởng và giảm đói nghèo.

Có bốn bài học chủ yếu trong việc xây dựng thể chế. Hai bài học đầu liên quan tới việc tạo ra các thể chế hỗ trợ thị trường có hiệu quả. Nhưng chỉ tạo ra thể chế là chưa đủ. Mọi người còn cần phải sử dụng thể chế. Vì vậy, hai bài học tiếp theo đề cập tới việc tạo ra nhu cầu đối với các thể chế này và thúc đẩy các áp lực thay đổi.

Để đảm bảo cho các thể chế có hiệu quả, cần:

- *Thiết kế các thể chế nhằm bổ sung cho những thể chế hiện có, các thể chế bổ sung này bao gồm thể chế hỗ trợ, năng lực con người và công nghệ sẵn có. Tại sao lại như*

vậy? Tính sẵn có và chi phí của các thể chế hỗ trợ, mức độ tham nhũng đang tồn tại, mức độ minh bạch, năng lực con người và công nghệ hiện có, tất cả đều quyết định đến ảnh hưởng của một thể chế nhất định. Đó là lý do vì sao các thể chế đạt được mục tiêu của mình ở các nước công nghiệp lại có thể không thành công ở một nước đang phát triển. Hầu hết công việc quan trọng của xây dựng thể chế nằm ở khâu điều chỉnh các thể chế hiện có, bổ sung các thể chế khác và nhận thức được những gì không nên xây dựng hay thay đổi trong bối cảnh cụ thể hiện tại. Điều này có tầm quan trọng không kém so với việc nhận thức nên xây dựng những thể chế mới nào. Thiết kế thể chế “tốt nhất” trên thực tế là một khái niệm còn chưa hoàn thiện.

- *Đổi mới để xác định thể chế nào có thể hoạt động và thể chế nào không thể hoạt động.* Ngay ở những nước có thu nhập và năng lực tương tự nhau, sự đổi mới vẫn có thể tạo nên những thể chế mạnh mẽ hơn do sự khác nhau về các điều kiện địa phương, từ chuẩn mực xã hội cho đến địa lý. Sự thử nghiệm tuy có gây ra phí tổn nhất định, nhưng nó có thể giúp cho việc xác định được các hình thức thể chế mới. Các nước có thể có lợi khi phát triển các đổi mới thành công và áp dụng các đổi mới từ khu vực tư nhân. Nhưng những nước này cũng phải có can đảm từ bỏ các thử nghiệm thất bại.
- *Liên kết cộng đồng của các đối tượng tham gia thị trường thông qua các luồng thông tin và thương mại mở.* Trao đổi hàng hoá và dịch vụ bên ngoài mạng lưới tạo nên nhu cầu đối với các thể chế hỗ trợ thị trường. Trao đổi thông tin thông qua các cuộc tranh luận cởi mở tạo nên nhu cầu thay đổi thể chế. Nó khiến cho mọi người có trách nhiệm hơn, làm thay đổi các hành vi và cung cấp các ý tưởng thay đổi từ bên ngoài cộng đồng. Liên kết các cộng đồng người trong các mạng lưới thông tin và thương mại tự do làm tăng khả năng tiếp cận thị trường của con người. Do đó nó

cần được ưu tiên trong việc xây dựng các thể chế hỗ trợ thị trường của các nhà hoạch định chính sách.

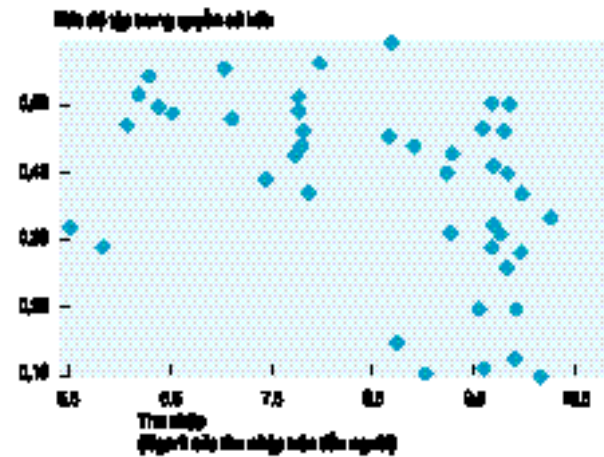
- *Thúc đẩy cạnh tranh giữa các vùng, các doanh nghiệp và các cá nhân.* Cạnh tranh nhiều hơn, sẽ làm tăng tính hiệu quả của các thể chế hiện tại, làm thay đổi động cơ và hành vi của con người, và tạo nên nhu cầu cho thể chế mới. Các đối tượng tham gia thị trường ở các nước đang phát triển thường gặp tình trạng cạnh tranh quá ít do cấu trúc thể chế hiện hành. Thay đổi được điều đó, sẽ nâng cao chất lượng của các thể chế khác. Cạnh tranh giữa các vùng sẽ thúc đẩy các thể chế thành công và khuyến khích nhu cầu đối với chúng. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp và các cá nhân cũng có tác dụng tương tự.

**Các thể chế hỗ trợ thị trường như thế nào?**

Những người buôn bán nhỏ tham gia các giao dịch mua bán đơn giản tại chỗ. Trong giao dịch này, người bán và người mua trực tiếp đối mặt với nhau để mua bán những sản phẩm đã được tiêu chuẩn hóa tương đối và có chất lượng dễ kiểm định. Các doanh nghiệp lớn đa quốc gia mua bán các sản phẩm có sự khác biệt cao hơn, gặp phải nhiều khó khăn hơn trong việc kiểm định chất lượng và phải chấp nhận những tách biệt về thời gian và không gian giữa các bộ phận trong cùng một giao dịch. Hầu hết các nền kinh tế đều có cả hai loại thị trường. Nhưng loại thứ nhất tương đối phổ biến ở các nước đang phát triển, còn loại thứ hai hay gặp ở các nước công nghiệp.

Các thị trường phát triển, với tính toàn cầu, tính không loại trừ và tính hợp nhất cao hơn, thường đem lại nhiều cơ hội lựa chọn hơn. Các thị trường kém phát triển, chủ yếu ở các nước nghèo, thường có tính địa phương và phân mảnh hơn. Vì vậy, nếu so sánh với nông dân ở Canada, thì nông dân ở Bănglăđét có ít cơ hội hơn và có ít thể chế chính thức hơn nhiều (như ngân hàng hay tòa án chính thức). Do vậy, họ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn khi tìm cách làm giảm rủi ro và tăng cơ hội của mình.

**PHẦN 7**  
**ĐIỀU GÌ HẠN CHẾ CƠ HỘI ĐỐI VỚI TÀI SẢN VÀ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRONG CÁC NƯỚC**



*(Chỉ số phát triển con người) và (Chỉ số quyền đối với tài sản) là những chỉ số được tính toán dựa trên dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2002.*

Điều gì hạn chế cơ hội thị trường? Đó là các chi phí giao dịch xuất phát từ sự thiếu thông tin đầy đủ và sự không hoàn hảo trong việc xác định và thi hành các quyền đối với tài sản<sup>2</sup>. Ngoài ra, còn có các hàng rào ngăn cản việc gia nhập đối với các hãng mới. Điều gì làm tăng các cơ hội thị trường? Đó là các thể chế làm tăng lợi nhuận từ trao đổi thị trường, giảm rủi ro và tăng hiệu quả.

Không phải tất cả thể chế đều khuyến khích sự phát triển của các thị trường không có tính loại trừ. Các cư dân vùng Maghribis đã giảm được các chi phí giao dịch giữa họ với nhau, nhưng khi làm được điều này, họ đã gạt các cộng đồng khác ra khỏi giao dịch. Các thiết kế thể chế phát triển trong lịch sử được các nhà hoạch định chính sách ưa thích, không nhất thiết là các thể chế tốt nhất cho tất cả mọi người trong xã hội, hay phù hợp nhất đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế và giảm đói nghèo. Ví dụ, các hội đồng tiếp thị nông nghiệp của nhà nước ở châu Phi, thay vì giúp đỡ nông dân, đã làm giảm thu nhập của họ. Hơn nữa, các thể chế từng có tác dụng hỗ trợ những giao dịch thị trường có thể tồn tại lâu hơn cần thiết. Ví dụ các cơ quan tư nhân hoá và cấu trúc lại ngân hàng.



Thách thức của các nhà hoạch định chính sách là định hình sự phát triển thể chế theo những hình thức nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế.

Các cấu trúc thể chế rất khác nhau giữa các quốc gia và trong các thời kỳ. Ngân hàng, các hãng và nông dân tự tổ chức và giao dịch với đối tượng khác theo những cách thức khác nhau. Ở nhiều nước, luật phá sản thiên vị các chủ nợ, trong khi ở một số nước, luật này lại có lợi cho các con nợ. Ở các nước công nghiệp, một số hãng có sở hữu tập trung, trong khi nhiều hãng khác lại có sở hữu phân tán (hình 1). Một số nông dân bán sản phẩm thông qua hợp tác xã, trong khi có nhiều người ký hợp đồng với thương nhân.

Thể chế của nhà nước cũng đa dạng tương tự. Tại nhiều nước, chính phủ có tính tập trung hoá cao, trong khi ở những nước khác, hầu hết quyền lực được uỷ thác cho các chính quyền địa phương.

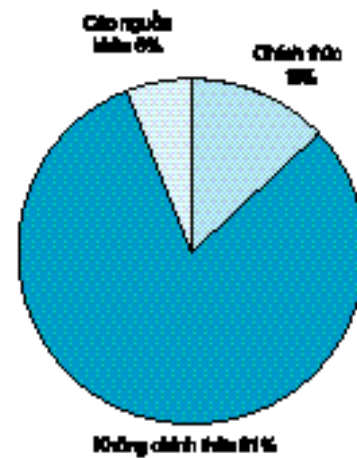
Các chuẩn mực và thái độ của xã hội đối với các giao dịch thị trường cũng rất khác nhau. Ở một số nước, phá sản là một sự sỉ nhục không thể rửa sạch được, trong khi ở nhiều nước khác, nó được xem là chuyện bình thường.

Các thể chế không nhất thiết phải tồn tại dưới hình thức các luật hay quy định chính thức. Chúng có thể là các thể chế không chính thức được xây dựng trên cơ sở các thông lệ. Các thể chế này rất quan trọng trong hoạt động giao dịch kinh doanh ở cả các nước giàu và nước nghèo. Ở các nước nghèo và đặc biệt là ở các khu vực nghèo, các thể chế không chính thức tương đối quan trọng hơn thể chế chính thức. Chẳng hạn, tại Nepal, các nguồn tài chính không chính thức là quan trọng nhất (hình 2) mặc dù các hộ gia đình khá giả có nhiều khả năng sử dụng những thể chế tài chính chính thức. Thực tế này phản ánh tình trạng chung của các nước nghèo, nơi mà hầu như mọi người đều hoạt động bên ngoài khung thể chế công cộng hay chính thức. Trong những trường hợp như vậy, các hệ thống không chính thức có tác dụng khuyến khích sự trao đổi.

Rõ ràng, không có con đường duy nhất dẫn

**Hình 2**

**Các nguồn vay mượn, 1995-99: Tỷ lệ các hộ gia đình ở Nepal**



**Định nghĩa:** "Các nguồn khác" bao gồm các tổ chức tín dụng vi mô phi chính phủ, các nhóm tiết kiệm và hợp tác xã, các quỹ quyên góp và những nguồn không xác định khác. Tỷ lệ mà số hộ này cần có vào cùng các hình thức hệ thống ngân hàng và sự trợ cấp ngân sách chính thức thường vượt hơn các hộ gia đình khác giới.

**Nguồn:** Survey về các tín dụng khác, và Báo cáo về Ngân sách Chính phủ Nepal năm 2002.

đến tăng trưởng và giảm nghèo đói. Các hình thức thể chế đa dạng ở các thị trường phát triển hiện nay, đã hình thành và phát triển trên nền tảng lịch sử đặc thù của từng nước. Các nhân tố chính trị, kinh tế và xã hội định hình các thể chế công cộng và tư nhân. Ví dụ, vào thế kỷ 19, cuộc cải cách Minh trị tại Nhật Bản đã mang lại cho nước này một loạt các ý tưởng và những hình thức thể chế mới. Tại châu Âu, cạnh tranh giữa các quốc gia là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự thay đổi thể chế.<sup>3</sup> Và đặc thù chính trị ở các quốc gia cũng định hình nên bản chất các hệ thống pháp luật chính thức. Tại nhiều khu vực nghèo nhất thế giới hiện nay, quá trình xây dựng các thể chế có hiệu quả đã bị các xung đột về chính trị và xã hội kìm hãm. Hơn nữa, ở nhiều nước trong số này, các cấu trúc thể chế chính thức do những người nước ngoài định cư ở đây du nhập. Mặc dù vậy, một đặc điểm quan trọng của tất cả các nước công nghiệp là, có một nhà nước đủ mạnh để hỗ trợ cho hệ thống pháp luật chính thức - hệ thống này có tác dụng bổ sung cho các thông lệ hiện có. Đồng thời, bản thân

nhà nước cũng phải tôn trọng pháp luật và hạn chế tiến hành các hoạt động một cách tùy tiện.

Xây dựng các thể chế thị trường có hiệu quả là một thách thức lớn đối với các cộng đồng và các nền kinh tế. Và đây cũng chính là nội dung của Báo cáo này. Báo cáo cung cấp một khung hệ thống để hiểu thể chế hỗ trợ thị trường như thế nào, thể chế làm gì và làm thế nào để xây dựng được các thể chế hỗ trợ thị trường có hiệu quả.

Cách tiếp cận của Báo cáo mang tính thực tế. Báo cáo cung cấp định hướng cho các nhà hoạch định chính sách bằng cách đánh giá các nghiên cứu hiện tại về sự thay đổi thể chế và phân tích kinh nghiệm về quá trình phát triển thể chế trong lịch sử ở các nước. Báo cáo cũng đưa ra các bằng chứng thực nghiệm về các thể chế và sự thay đổi thể chế ở các nước đang phát triển.

Các thể chế hỗ trợ thị trường đóng góp đáng kể vào việc khuyến khích tăng trưởng và giảm nghèo đói (hộp 1). Báo cáo này được xây dựng trên cơ sở các Báo cáo của các năm trước, đặc biệt là *Báo cáo Phát triển Thế giới 2000/2001* với nội dung kêu gọi sự quan tâm tới vai trò trung tâm của hoạt động thị trường đối với việc thúc đẩy tăng trưởng và tạo cơ hội cho người nghèo. Báo cáo năm nay tập trung vào cách thức các thể chế khuyến khích sự phát triển các thị trường có tính không loại trừ và tính hợp nhất. Sự phát triển này sẽ góp phần tạo cơ hội bình đẳng, giảm thiểu rủi ro và tạo điều kiện cho đầu tư vào các hoạt động sinh lợi cao.

Ngày càng có nhiều nghiên cứu liên hệ các thành công (và thất bại) của thể chế với sự phát triển diễn ra trong nhiều thời kỳ và ở những quốc gia khác nhau. Đồng thời, cũng có nhiều chỉ số đánh giá kết quả hoạt động của các tập hợp thể chế khác nhau và thường chồng chéo lẫn nhau. Ví dụ, thành công của nhà nước trong việc đưa ra luật pháp và hiệu suất hoạt động của hệ thống tư pháp và cảnh sát, phản ánh sự nhìn nhận của các công dân và nhà đầu tư về sự tôn trọng của nhà nước đối với quyền sở hữu tài sản như thế nào. Khả năng tiếp cận các dịch vụ

tài chính và tính phức tạp của các thị trường tài chính phản ánh việc các thể chế bảo vệ như thế nào đối với các quyền sở hữu tài sản của người đi vay và người cho vay. Mức độ tham nhũng cao, phản ánh các loại động cơ của những nhà chính trị và viên chức khi theo đuổi lợi ích cá nhân vượt lên trên các hàng hoá công cộng.

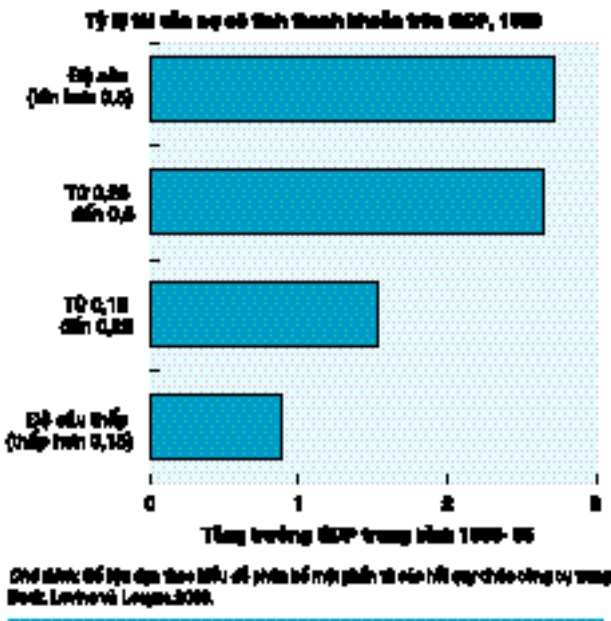
Mối quan hệ thuận giữa phát triển kinh tế và chỉ số thể hiện sự thành công của thể chế đã được khẳng định trong nhiều tài liệu. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu đều không đưa ra được mối liên hệ giữa các thể chế cụ thể và các kết quả cụ thể. Thay vào đó, chúng nhận mạnh tính đa dạng của các thể chế hỗ trợ thị trường. Ví dụ, thu nhập và hiệu lực pháp luật - bao gồm cả tầm quan trọng chung của các quyền đối với tài sản, các thể chế pháp lý và hệ thống tư pháp - có tương quan chặt chẽ với nhau. Một ví dụ khác, sự phát triển của các thể chế tài chính cho phép chúng ta dự đoán về sự tăng trưởng (hình 3).

### Các thể chế làm gì?

Để đưa ra một khung có thể áp dụng cho nhiều loại thể chế hỗ trợ thị trường khác nhau, Báo cáo này đã bỏ qua sự phức tạp trong các cấu trúc thể chế bằng cách tập trung vào nội dung các thể chế làm gì. Hiểu được các thể chế làm gì là bước đầu tiên để xây dựng các thể chế có hiệu quả. Trên thực tế, các thể chế làm ba công việc chính:

- *Truyền tải thông tin về các điều kiện thị trường, hàng hoá và người tham dự.* Các dòng thông tin tốt giúp cho nhà kinh doanh xác định được các đối tác và các hoạt động có khả năng sinh lợi, cũng như đánh giá được mức độ tin cậy. Chúng cũng giúp cho chính phủ điều tiết tốt hơn. Vì vậy, các thể chế có thể ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, thu thập, phân tích, thẩm định và phổ biến (hoặc lưu giữ) thông tin và kiến thức tới các thành viên trong cộng đồng và trên thị trường. Các ví dụ về thể chế ảnh hưởng tới quá trình chia sẻ thông tin gồm có các hãng kê toán, các tổ chức tín dụng, các quy định của chính phủ đối với những

**Hình 3**  
**Độ sâu tái hình tạo nền tảng trường**



phương tiện truyền thông nhằm hạn chế sự phổ biến thông tin.<sup>4</sup>

- **Xác định và thực thi quyền sở hữu và các hợp đồng, xác định ai có cái gì và khi nào.** Hiểu các quyền mà một người có đối với tài sản và thu nhập, và bảo vệ các quyền đó, là điều thiết yếu đối với sự phát triển thị trường. Các quyền đó gồm cả quyền của khu vực tư nhân trong quan hệ với nhà nước. Các thể chế có thể giúp giảm bớt khả năng xung đột và đảm bảo thực hiện hợp đồng. Ví dụ, các thể chế loại này bao gồm hiến pháp, hệ thống tư pháp và tất cả các mạng lưới xã hội.
- **Làm tăng hoặc giảm cạnh tranh trên thị trường.** Cạnh tranh cung cấp động lực để mọi người làm việc tốt hơn và khuyến khích bình đẳng về cơ hội. Trong các thị trường cạnh tranh, các nguồn lực thường được định hướng theo lợi ích của công việc hơn là theo lợi ích có được từ các mối liên hệ xã hội hay chính trị của chủ doanh nghiệp. Mức độ cạnh tranh cũng khuyến khích đổi mới và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong khi một số thể chế có tác dụng khuyến khích cạnh tranh thì cũng có một số thể chế khác lại cản trở cạnh tranh.

**Hộp 1**  
**Các thể chế yếu kém gây thiệt hại cho người nghèo**

Nhờ tác động mạnh mẽ đối với tăng trưởng kinh tế, các thể chế hỗ trợ thị trường trở thành một nhân tố quan trọng trong việc giảm nghèo đói. Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy, những người nghèo nhất trong xã hội thường phải gánh chịu phần lớn các phí tổn của thất bại thể chế. Tham nhũng là một loại thuế có tính chất lũy thoái đặc biệt, mà người nghèo sẽ bị tổn thất nặng nề, kể cả khi chỉ để đáp ứng những nhu cầu nhỏ của họ. Họ phải chịu đựng các khoản hối lộ và những loại phí khác khi họ cần các dịch vụ công cộng.

Trong rất nhiều trường hợp, hệ thống pháp lý và tư pháp không phục vụ tốt người nghèo. Sự thất học và thiếu khả năng chi trả cho đại diện pháp lý đã làm cho các thể chế pháp luật vượt ra ngoài tầm với của người nghèo. Thất bại của nhà nước trong việc bảo vệ quyền đối với tài sản thường gây thiệt hại nhiều hơn cho người nghèo, bởi vì người nghèo khó có đủ nguồn lực để tiếp tục mưu sinh mà không phạm phải các hành động tội ác. Sự thất bại của các thể chế chính sách công cộng trong việc tạo ra môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cũng tạo nên những gánh nặng lớn hơn cho người nghèo.

Người nghèo thường dễ bị tổn thương hơn khi các cuộc khủng hoảng kinh tế vĩ mô xảy ra. Các cuộc điều tra ở nhiều quốc gia cho thấy, người nghèo xem lạm phát là một trong các mối lo ngại kinh tế lớn nhất của họ. Việc thiếu khả năng tiếp cận các thể chế tài chính, mà nhờ đó người nghèo có thể tiết kiệm khi làm ăn tốt, và vay mượn khi gặp khó khăn, đã làm cho họ trở nên dễ tổn thương hơn khi nền kinh tế suy thoái.

Hơn nữa, các thể chế tư nhân không phải lúc nào cũng phục vụ cho lợi ích của người nghèo hay những người thua thiệt trong xã hội. Các nhà độc quyền tư nhân thường đặt giá cao đối với các hàng hoá thiết yếu trong khi lẽ ra cạnh tranh đã có thể làm tăng khả năng tiếp cận các loại hàng hoá này của đa số người nghèo. Các cơ chế giải quyết mâu thuẫn không chính thức ở cấp địa phương có thể thiên lệch, gây ảnh hưởng xấu tới một số nhóm người. Hơn nữa, các mạng lưới hay các hiệp hội dựa trên những mối liên hệ xã hội, thường loại trừ sự tham gia của những ai không phải là thành viên.

*Nguồn: Ngân hàng Thế giới 2001.*

Bằng cách điều tiết quá mức đối với sự gia nhập của các doanh nghiệp mới, chính phủ có thể đã hạn chế cạnh tranh. Và, với việc tổ chức các hoạt động thị trường chỉ trong một nhóm các thành viên khép kín - hãy nhớ lại câu chuyện những người Maghribis - các cơ hội cho những người trong nhóm sẽ tăng lên cho

dù cạnh tranh có thể gia tăng, trong khi, cơ hội cho những người ngoài nhóm sẽ giảm sút.

Tất cả các cấu trúc thể chế thông qua ba chức năng này ảnh hưởng tới sự *phân phối* tài sản, thu nhập và chi phí, cũng như tới các động lực của các thành viên thị trường và tính hiệu quả của các giao dịch thị trường. Bằng cách phân phối quyền cho các thành viên một cách hiệu quả nhất, thể chế có thể khuyến khích năng suất và tăng trưởng. Bằng cách tác động tới các động cơ đầu tư, ví dụ như thông qua việc củng cố các quyền đối với tài sản, thể chế có thể ảnh hưởng tới mức độ đầu tư và khả năng chấp nhận công nghệ mới. Bằng cách xác định rõ các quyền trên thị trường, chẳng hạn thông qua luật cạnh tranh, các thể chế hạn chế lợi nhuận của nhà sản xuất và bảo vệ người tiêu dùng khỏi mức giá cao. Và bằng cách xác định rõ quyền của những người chịu thiệt thòi trên các thị trường, thể chế có thể ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người nghèo. Ví dụ, quyền đối với đất đai của người nghèo vốn không được người cho vay công nhận. Việc chính thức trao quyền sở hữu đất đai cho người nghèo sẽ cho phép họ có thể vay và đầu tư vốn.

Các thể chế có hiệu quả là các thể chế *phù hợp với động lực*. Các thể chế có cơ chế thi hành bên trong thường có hiệu quả do chúng có một hệ thống thưởng phạt rõ ràng. Một vấn đề quan trọng trong việc thiết kế các thể chế công cộng là bảo đảm các động lực được tạo ra trên thực tế dẫn tới các hành vi mong muốn. Lấy ví dụ về bảo hiểm tiền gửi, vốn được thiết kế nhằm bảo vệ những người gửi tiền khỏi các rủi ro trong các thể chế tài chính (chương 3). Kinh nghiệm cho thấy, bảo hiểm tiền gửi có thể làm giảm sút động lực của các nhà quản trị tài chính khi cho vay và dẫn tới sự chấp nhận rủi ro quá nhiều. Trong tình huống như vậy, các quy định bổ sung là cần thiết để chỉnh đốn lại các động lực này, chẳng hạn các quy định nhằm đảm bảo các ràng buộc quan trọng giữa nhà quản trị ngân hàng và hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

### Ai xây dựng thể chế?

Khi các nền kinh tế phát triển, để hỗ trợ các giao dịch ngày càng phức tạp, các thể chế cũng phải thay đổi. Sự thay đổi này có thể xuất phát từ việc thay đổi các thể chế sẵn có, hoặc từ việc xây dựng hay du nhập những thể chế mới. Ai xây dựng các thể chế? Đó là các chính phủ cũng như các thành viên cộng đồng, giới kinh doanh và các tác nhân trên thị trường quốc tế.

Khi xây dựng thể chế mới, các chính phủ đạt được thành công ở những mức độ khác nhau. Hãy so sánh Ba Lan và Nga trong thập kỷ 1990. Để khuyến khích phát triển thị trường, chính phủ Ba Lan nhanh chóng phân tách quyền đối với tài sản của nhà nước và của khu vực tư nhân. Chính phủ áp đặt các hạn chế cứng về ngân sách đối với các doanh nghiệp nhà nước và khuyến khích sự xuất hiện của lớp doanh nhân mới năng động. Trái lại, chính phủ Nga đã không đưa ra được một sự phân tách rõ ràng giữa các thể chế tư nhân và công cộng, đồng thời vẫn tiếp tục hạn chế ngân sách có tính mềm dẻo, và cho nợ thuế tràn lan đối với các doanh nghiệp.

Các lợi ích tư nhân cũng có thể tạo nên các thể chế. Chúng có thể thúc đẩy hay hạn chế sự thay đổi thể chế một cách riêng rẽ hay trên cơ sở kết hợp với đối tác bên ngoài. Chẳng hạn, các ngân hàng đã vận động nghị trường để có được sự giám sát tài chính chặt chẽ hơn ở Mêhicô. Các nhà đầu tư quốc tế cũng đã từng làm việc với các nhóm địa phương để thúc đẩy sự ra đời tòa án thương mại ở Tanzania vào những năm 1990.

Tổ chức quốc tế cũng có thể là một tác nhân tạo nên sự thay đổi thể chế. Các tổ chức này đã đạt được những mức độ thành công khác nhau trong công việc xây dựng các thể chế phù hợp với nhu cầu các nước đang phát triển. Ví dụ, chúng đã có vai trò quan trọng trong việc chuyển giao tri thức về các mô hình thể chế khác nhau tới các nước. Tuy nhiên, các tổ chức quốc tế cũng đã từng đưa ra những lời khuyên

cải cách thể chế không phù hợp với bối cảnh đặc thù của quốc gia.

### **Làm thế nào để xây dựng thể chế có hiệu quả?**

Với khung thông tin, hiệu lực thi hành và cạnh tranh, nhà hoạch định chính sách xây dựng thể chế cần phải thẩm định điều gì đã cản trở sự phát triển thị trường hay đã đem lại những kết quả thị trường nhất định. Điều cốt yếu là phải xác định được loại hình thể chế nào là cần thiết, thay vì giả định một cấu trúc nhất định là cần thiết. Nhà hoạch định chính sách cần phải đặt những câu hỏi:

*Ai cần thông tin về cái gì?* Ví dụ, các ngân hàng có thiếu thông tin về mức độ tín nhiệm của người vay tiềm năng không?

*Liệu quyền sở hữu cũng như các hợp đồng của mọi người đã được xác định rõ ràng và có hiệu lực thi hành chưa?* Ví dụ, nông dân đã có quyền hợp pháp đối với đất đai họ sử dụng không?

*Liệu có quá ít hay quá nhiều cạnh tranh?* Ví dụ, liệu có doanh nghiệp độc quyền về ngành cơ sở hạ tầng nào đang tìm cách ngăn cản sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp khác hay không, hay liệu có phải các doanh nghiệp hiện không tiến hành các hoạt động nghiên cứu sinh lợi cao phải chăng vì họ thấy thiếu những biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ?

Một khi vấn đề về thể chế đã được xác định rõ, thì bước tiếp theo là thiết kế thể chế phù hợp. Cả hai nhân tố cung và cầu đều quan trọng. Hơn nữa, do các quốc gia có sự thay đổi và phát triển nên các thể chế phù hợp cũng sẽ phát triển. Để có hiệu quả, một thể chế cần được thiết kế sao cho động lực của các thành viên thị trường phù hợp với mục tiêu đạt kết quả mong muốn. Bốn phương pháp tiếp cận quan trọng đối với việc xây dựng thể chế có thể áp dụng cho tất cả khu vực và các nước, đó là: bổ sung những gì đang tồn tại, đổi mới để xác định các thể chế có thể hoạt động, liên kết các cộng đồng thông qua các dòng thông tin và thương mại, và thúc đẩy cạnh tranh.

### **Bổ sung những thể chế hiện có**

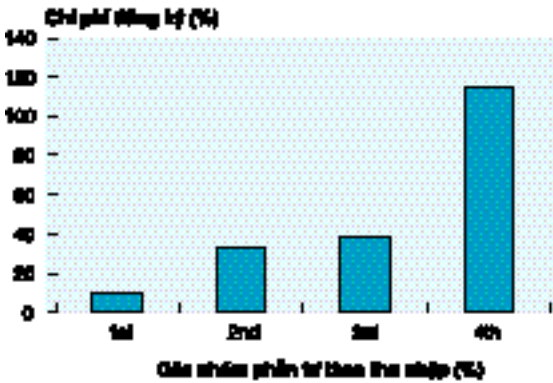
Các thể chế từng có hiệu quả trong việc đạt được mục tiêu ở những nước công nghiệp, có thể mang lại những kết quả rất khác ở những nước đang phát triển. Lý do là, so với các nước phát triển các nước đang phát triển có ít thể chế bổ sung hơn, năng lực hành chính yếu kém hơn, chi phí trên đầu người cao hơn, mức độ vốn con người thấp hơn, công nghệ khác hơn, và mức độ cũng như quan điểm đối với tham nhũng cũng khác. Khi xây dựng hay du nhập thể chế mới hoặc điều chỉnh thể chế đang tồn tại nhà hoạch định chính sách cần phải thích ứng hoá thể chế, phải chú ý đến những điểm khác nhau giữa các nước công nghiệp và các nước đang phát triển thì mới có thể làm tăng hiệu quả của thể chế.

Các quy định đối với việc gia nhập hoạt động kinh doanh là một ví dụ. Ở nhiều nước đang phát triển, chi phí đăng ký kinh doanh so với GDP trên đầu người là rất lớn (hình 4a).<sup>5</sup> Số lượng các thủ tục cần thiết để đăng ký kinh doanh cũng cao hơn tương đối so với các nước công nghiệp (hình 4b). Những chi phí cao này hạn chế sự gia nhập khu vực chính thức và dẫn tới làm giảm cạnh tranh ở khu vực này. Sự điều tiết quá mức đối với hoạt động kinh doanh cũng là một loại chi phí khác làm trầm trọng thêm tình trạng tham nhũng ở các nước đang phát triển (hình 4c). Một nghiên cứu gần đây cho thấy, ở nhiều nước châu Phi, các quy định và thực tế hạn chế kinh doanh thường nhằm mục tiêu tạo lợi lộc cho các quan chức và có lợi cho những cá nhân hay tập đoàn tư nhân nhất định, trong khi làm trì trệ các hoạt động kinh doanh ở cả hai ngành nông nghiệp và công nghiệp.<sup>6</sup>

Ngược lại, ở các nước phát triển, năng lực thực thi tốt hơn và các hệ thống xử lý thông tin cũng ưu việt hơn. Trách nhiệm cao hơn của các nhà quản lý cũng có nghĩa là các quy định không tạo nên quá nhiều chi phí gia tăng. Một ví dụ khác, thủ tục pháp lý đối với thu hồi nợ là một vấn đề hết sức phức tạp ở các nước nghèo, ngay cả khi chưa tính tới năng lực thi hành. Mặc dù ở một số nước công nghiệp cũng có những thủ tục phức tạp, nhưng các nước này thường có

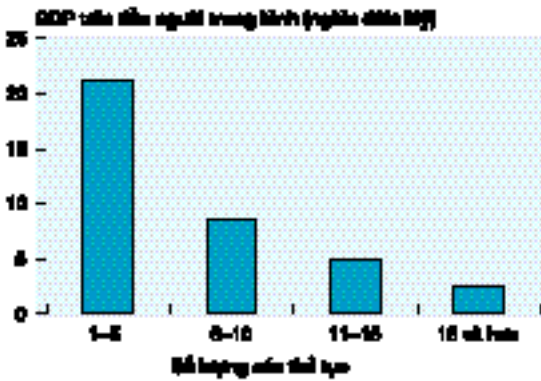
Hình 4a

Chỉ số tăng tỷ lệ kinh doanh (đánh theo phần trăm GDP trên đầu người) cao hơn đối với các nước thu nhập thấp



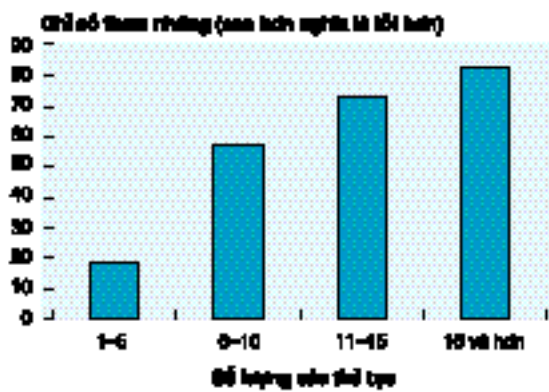
Hình 4b

Các nước thu nhập thấp có nhiều thủ tục hơn



Hình 4c

Nhiều thủ tục hơn đi kèm với nhiều tham nhũng hơn



Chú ý: Chỉ số: Các chỉ số phát triển kinh tế người dân được chỉ số chính thức trình bày theo phần trăm của GDP trên đầu người năm 1997.  
Nguồn: Chương trình của Ngân hàng Thế giới, và các báo cáo, và dữ liệu của các quốc gia khác.

Hộp 2

Đổi mới của tư nhân được sự thay đổi thể chế hỗ trợ

Ở Bangladesh, một vị giáo sư kinh tế học có ý tưởng, giúp người nghèo tự giúp bản thân họ bằng cách trao cho họ những khoản cho vay nhỏ để tiến hành kinh doanh, cho dù họ không có tài sản thế chấp hay không có quá khứ tốt khi vay mượn. Vị giáo sư này đã thành lập Grameen Bank vào năm 1976, và sử dụng những quan hệ xã hội của mình trong chính phủ để quản lý một chi nhánh cấp làng của một ngân hàng trực thuộc chính phủ. Thành công của những cố gắng này đã dẫn tới việc chính phủ sau đó đã thay đổi các luật lệ quản lý Grameen Bank, thiết lập nó như một thực thể độc lập do chính phủ kiểm soát, và sau đó, dưới hình thức một ngân hàng tư nhân do quan chức chính phủ điều hành. Cuối cùng, Grameen Bank được tổ chức dưới hình thức một ngân hàng tư nhân do hội đồng quản trị độc lập điều hành. Ngày nay, Grameen Bank đã có chi nhánh ở hơn một nửa số làng ở Bangladesh với hơn 2 triệu người được vay tiền.

Ở Peru, một sáng kiến khác đã ra đời từ sự thử nghiệm của một cá nhân. Người này nhận thấy rằng, ở Lima, một người có quyền không chính thức đối với nơi ở của mình phải cần tới 728 công đoạn hành chính mới có thể nhận được quyền sở hữu chính thức theo pháp luật. Ông ta đã phát động một chiến dịch thông tin công cộng trong 10 năm nhằm, chứng minh cho các nhà chính trị thấy rằng, có “sự nhất trí ngầm đối với cải cách” trong việc đơn giản hoá thủ tục chính thức hoá quyền sở hữu nhà cửa. Trước sự ủng hộ của đông đảo công chúng đối với việc đơn giản hoá thủ tục, quốc hội Peru đã nhất trí thông qua một đạo luật nhằm chính thức hoá quyền sở hữu. Hiện nay, thủ tục pháp lý đơn giản xác nhận quyền sở hữu đất đai cho người nghèo đã được xác lập.

Hai câu chuyện này cho thấy việc nhà nước có thể kết hợp với tư nhân như thế nào trong việc khuyến khích đổi mới thể chế bằng cách hỗ trợ trực tiếp các thử nghiệm- hoặc ít nhất cũng bằng cách cho phép các thử nghiệm được tiến hành, được thử thách, và nếu chúng thành công sẽ được khuyến khích phát triển. Các câu chuyện này cũng cho thấy tầm quan trọng của các nhân tố khác trong việc khuyến khích đổi mới. Các mối quan hệ xã hội và các mạng lưới làm giảm các rào cản đối với việc thử nghiệm. Chia sẻ thông tin tự do, thúc đẩy việc chấp nhận các thử nghiệm thành công.

Nguồn: De Soto 2000; Yunus 1997.

các thể chế bổ sung có tác dụng khuyến khích hiệu quả hoạt động tư pháp. Chính những thể chế này đã góp phần làm tăng tính minh bạch, tạo nên động lực để tòa án hay các bên liên quan trong vụ kiện giải quyết tranh chấp có hiệu quả. Đối với những nước đang phát triển,

việc đơn giản hoá các thủ tục hiện tại có thể là một cách tốt để nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp.

### ***Đổi mới để xác định các thể chế có thể hoạt động được***

Ngay cả khi trình độ phát triển tương tự nhau, các quốc gia vẫn có thể có các đặc điểm rất khác nhau, từ chuẩn mực, điều kiện địa lý, cho tới nguồn lực tự nhiên. Đổi mới là cần thiết để có thể tính đến các khác biệt này khi thiết kế các thể chế có hiệu quả. Nhà hoạch định chính sách cần phải hỗ trợ những đổi mới từ khu vực tư nhân, phát triển các thành công ở địa phương, và loại bỏ thất bại (hộp 2). Việc thử nghiệm có thể giúp cho việc xác định các thể chế có hiệu quả. Tuy nhiên, có những chi phí liên quan tới việc thử nghiệm các hình thức thể chế. Những chi phí này cần được tính đến khi đưa ra các lựa chọn.

Do đổi mới có thể xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau, nên sự hợp tác giữa các thành viên khác nhau trong xã hội là rất quan trọng. Trong nhiều trường hợp, quyền tự chủ và khả năng tham gia của địa phương lớn hơn, có thể thúc đẩy các thử nghiệm dẫn tới đổi mới. Hãng Aguas Argentinas, một doanh nghiệp độc quyền cung cấp các dịch vụ nước và vệ sinh ở Buenos Aires được tư nhân hoá, đã kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, một cộng đồng người dân thu nhập thấp, và một tổ chức phi chính phủ, để tạo nên một hình thức tổ chức mới. Ban đầu, cộng đồng được thử nghiệm với hai hệ thống: một hệ thống cung cấp nước chi phí thấp và một hệ thống nước kép (trong đó một phần nối kết với hệ thống cung cấp nước uống với khối lượng thấp và một phần khác lấy nước từ nguồn nước ngầm tuy quá mặn không thích hợp để uống nhưng vẫn tốt cho các nhu cầu tắm giặt). Hệ thống nước kép bị loại bỏ trong giai đoạn thử nghiệm do chi phí quá cao, trong khi hệ thống cung cấp nước vẫn được duy trì. Và để mở rộng mạng lưới cung cấp nước của mình, Aguas Argentinas đã mua lại các hệ thống nước chi phí thấp do cộng đồng tự xây

dựng và bán lại cho khách hàng với giá rẻ. Trên thực tế, hãng đã chuyển giao một phần công việc của mình cho người tiêu dùng.<sup>7</sup>

Đổi mới và thử nghiệm xảy ra ở ít nhất ba cấp độ: chính sách công cộng quốc gia, thực tiễn kinh doanh của tư nhân và hành động ở địa phương của các cộng đồng và những người lãnh đạo cộng đồng. Các đổi mới cấp địa phương có lợi thế là có khả năng tiến hành nhiều thử nghiệm đồng thời. Vì thế, nó cho phép các thử nghiệm thành công được phát triển, và ngăn chặn các thất bại. Nhưng không phải tất cả đổi mới đều do cộng đồng địa phương tiến hành, vì những hành động ở cấp địa phương có thể ảnh hưởng tới nhiều cộng đồng. Hơn nữa, những người lãnh đạo địa phương có thể sẽ chiếm lấy những lợi ích trong khi những người khác phải gánh chịu các chi phí khi đưa ra các hình thức thể chế mới.

### ***Liên kết các cộng đồng thông qua các luồng thông tin và thương mại***

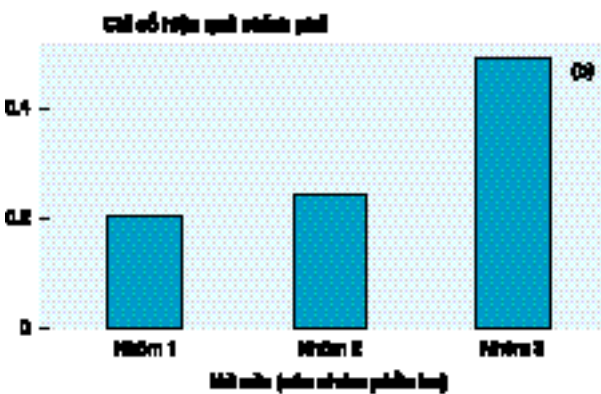
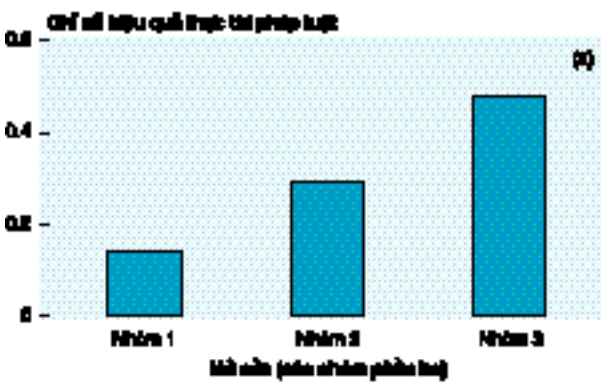
Việc trao đổi thông tin rộng rãi và thương mại mở, tạo nên nhu cầu đối với các thể chế hỗ trợ thị trường. Ngoài việc gia tăng hiệu quả phân bổ lợi ích vẫn thường được nhắc tới, thương mại tự do có vai trò quan trọng hơn đáng kể. Thương mại tự do làm cho:

- Các đối tượng tham gia thị trường tiếp xúc với một nhóm lớn hơn, đa dạng hơn các đối tác thương mại, làm tăng nhu cầu của các tác nhân trong và ngoài nước đối với các thể chế chính thức để cung cấp thông tin và thực hiện hợp đồng tốt hơn.<sup>8</sup>
- Các doanh nghiệp tiếp cận được với công nghệ mới, các hình thức tổ chức và quản lý mới.
- Các thị trường có tính cạnh tranh cao hơn, nhờ đó thúc đẩy việc thay đổi thể chế.
- Các nước đối mặt với những rủi ro khác nhau, vì vậy có thể tạo ra nhu cầu đối với các thể chế mới quản lý các rủi ro này.

Mở cửa thương mại và trao đổi ý kiến trong

nước và giữa các nước với nhau đóng vai trò chất xúc tác cho các thay đổi thể chế trong lịch sử. Các nước mở cửa có xu hướng chất lượng thể chế tốt hơn (hình 5). Ví dụ, vào đầu thế kỷ 20, Thái Lan trở thành một nước xuất khẩu gạo. Giá đất trồng lúa tăng vọt. Điều này tạo nên nhu cầu phân định quyền sở hữu đất đai và sự phát triển của hoạt động đăng ký sở hữu đất đai, vì có như vậy, đất đai mới có thể được sử dụng làm thế chấp. Khả năng xuất khẩu hàng nông sản hay các hàng hoá khác của các nước đang phát triển đến các nước phát triển gia tăng, sẽ góp phần làm tăng sức mạnh của các thể chế hiện tại cũng như tạo nên nhu cầu đối với các thể chế mới ở các nước đang phát triển.

**Hình 5**  
**Chỉ số nhân lực và chất lượng các thể chế**



Chỉ số nhân lực và chất lượng các thể chế được tính dựa trên các chỉ số của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác. Chỉ số nhân lực được tính dựa trên các chỉ số của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác. Chỉ số chất lượng các thể chế được tính dựa trên các chỉ số của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác. Chỉ số nhân lực và chất lượng các thể chế được tính dựa trên các chỉ số của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác.

Kinh nghiệm của Nhật Bản trên thị trường gạo cho thấy một mô hình phát triển thể chế tương tự như vậy (hộp 3). Thương mại mở giữa các cộng đồng, khuyến khích sự phát triển của các thể chế tiếp thị. Sự phát triển thể chế ban đầu xuất phát từ khu vực tư nhân, nhưng sau đó chính phủ đã can thiệp vào nhằm mở rộng hơn nữa việc sử dụng các tiêu chuẩn và khuyến khích thương mại.

Sự trao đổi rộng rãi các ý tưởng cũng dẫn đến các thay đổi thể chế. Việc các phương tiện truyền thông ở Peru vạch trần tệ nạn tham nhũng đã gây nên áp lực cho việc ra đời các hình thức thể chế chống tham nhũng (hộp 4). Bằng cách giám sát các hoạt động của chính phủ và khu vực tư nhân, các phương tiện truyền thông trở thành một tác nhân tích cực đem lại sự thay đổi. Trong một số trường hợp, chỉ riêng việc cung cấp thông tin hay chia sẻ kiến thức, cũng đã có thể giúp cho các thành viên thị trường điều chỉnh các cấu trúc thể chế. Các nhà hoạch định chính sách có một vai trò quan trọng trong việc tác động tới chất lượng và dòng thông tin trong các nền kinh tế.

**Thúc đẩy cạnh tranh giữa các vùng, các doanh nghiệp và các cá nhân**

Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường sản phẩm, giữa các cá nhân và giữa các vùng dẫn tới nhu cầu thay đổi thể chế.<sup>9</sup> Nó thay đổi tính hiệu quả của một thể chế có sẵn bằng cách tác động tới thu nhập tương đối và làm thay đổi động lực của các thành viên. Ví dụ, khi cạnh tranh trên thị trường tăng thì các thể chế dựa trên cơ sở chuẩn mực truyền thống có thể trở nên không đầy đủ hay lỗi thời.<sup>10</sup> Cạnh tranh có thể làm giảm tính hiệu quả của các nhóm khép kín, như các phường hội hay các mạng lưới kinh doanh mà sự tồn tại và hiệu quả của nó phụ thuộc vào khả năng tiếp cận tốt hơn các đầu vào như thông tin. Nhờ vậy, nó tạo nên nhu cầu đối với các thể chế mới hoặc cải thiện chất lượng các thể chế sẵn có bằng cách làm thay đổi hành vi. Dù ở những nơi rất khác nhau như Thái Lan và Uganda, sự cạnh tranh mạnh mẽ về đất



### Hộp 3

#### Sự phát triển thể chế trên thị trường gạo và việc tiêu chuẩn hoá ở Nhật Bản 1600- thập kỷ 1920

Trong thời kỳ Tokugawa ở Nhật Bản (1600- 1868), các thương nhân địa phương thu mua và đưa ra thị trường các loại gạo sản xuất trên đất của các daimyo (lãnh chúa) và của nông dân. Các thương nhân này đòi hỏi phải có quy mô đủ lớn. Lý do, là do giao thông trên đất liền kém phát triển nên gạo phải được vận chuyển trên các thuyền buồm lớn (và sau này là tàu thủy hơi nước) với chi phí rất tốn kém và có nhiều rủi ro. Khi hệ thống xe lửa được mở rộng tới các vùng địa phương, các thị trường gạo từng biệt lập đã bắt đầu định hình thành thị trường toàn quốc. Đồng thời, nhờ tính kinh tế theo quy mô trong vận tải và các rủi ro liên quan, các thương nhân nhỏ có thể bán gạo của mình bằng cách vận chuyển với khối lượng nhỏ từ nhiều trung tâm địa phương khác nhau.

Việc cạnh tranh giữa các thương nhân nhỏ ở các vùng sản xuất lúa gạo khác nhau đã làm tăng áp lực tiêu chuẩn hoá việc đánh giá chất lượng gạo. Chất lượng và tiêu chuẩn tốt hơn và ổn định hơn sẽ đảm bảo giá gạo cao hơn trên các thị trường đô thị. Nhiều nhóm nông dân và thương nhân đã có sáng kiến gắn nhãn chất lượng gạo ở những vùng khác nhau. Tới năm 1900, những nỗ lực tự nguyện này trở thành các quy định chính thức của các cơ quan chính quyền địa phương. Từ đó việc đóng gói gạo vận chuyển đi các vùng khác đã định hình tiêu chuẩn. Tới năm 1910, đã có 33 cơ sở phân loại chất lượng gạo (beiken soko) do các công ty tư nhân hay các hợp tác xã điều hành và thực hiện nhiều chức năng khác nhau, từ thẩm định, đánh giá, đóng gói lại cho tới cất trữ.

Tiếp theo là các đổi mới trong lĩnh vực tài chính. Khi nông dân và thương nhân đưa các loại gạo chưa được phân loại đến các cơ sở này, họ sẽ được cấp một "Tín phiếu gạo". Tín phiếu này được sử dụng như thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng và tiệm cầm đồ, nhờ đó đã giải toả bớt các hạn chế về vốn cho nông dân và thương nhân. Đây chính là tiền thân của tín dụng kho bạc ngày nay.

Thương mại mở rộng hơn giữa các cộng đồng khác nhau đã dẫn đến sự phát triển của các tiêu chuẩn, trước tiên được các thương nhân tư nhân, và sau đó là chính phủ áp dụng. Những thay đổi thể chế ban đầu này đã khuyến khích sự ra đời các thể chế mới có tác dụng hỗ trợ trao đổi trên thị trường.

*Nguồn: Kawagoe 1998.*

đại đều gây ra nhiều tranh cãi về đất đai và làm tăng nhu cầu đối với các thủ tục chính thức ghi nhận các giao dịch này.

Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau trên thị trường sản phẩm, bắt buộc phải tăng tính hiệu quả, đồng thời có động cơ vận động các

### Hộp 4

#### Vai trò của các phương tiện truyền thông trong đấu tranh chống tham nhũng ở Pêru

Ngay ở một nước có sự kiểm soát chính thức và không chính thức đối với báo chí, các phương tiện truyền thông vẫn có thể bóc trần tệ nạn tham nhũng và tạo nên áp lực quản lý đất nước tốt hơn. Vào tháng 9 năm 2000, một kênh truyền hình địa phương đã cho phát một băng hình trong đó người đứng đầu ngành an ninh quốc gia đang hối lộ một nghị sỹ đối lập để đối lấy việc bỏ phiếu ủng hộ chính phủ. Câu chuyện nhanh chóng được lan truyền trong các ấn phẩm khác, kèm thêm các báo cáo và cho thấy, quan chức an ninh này đang tiến hành buôn lậu vũ khí bán cho du kích Côlômbia. Sự tiết lộ này đã dẫn tới việc thải hồi ông ta, và vào tháng 11 năm 2000, tổng thống nước này cũng phải từ chức. Sau sự kiện này, vị tổng thống mới được bầu đã công bố quyết tâm chống tham nhũng của mình.

Câu chuyện này cho thấy cách thức các phương tiện truyền thông có thể làm để thay đổi động cơ tham nhũng của các viên chức nhà nước. Với việc cung cấp thông tin cho công chúng, các phương tiện truyền thông đã góp phần làm tăng tính minh bạch trong các công việc của chính phủ. *Rủi ro bị vạch trần* khi tham nhũng sẽ lớn hơn, khi các phương tiện truyền thông hoạt động có hiệu quả. Các phương tiện truyền thông cũng góp phần tạo nên sự đồng thuận cần có trong nhân dân để chống tham nhũng. Chúng dẫn tới sự không chấp nhận của công chúng đối với hành vi tham nhũng và buộc các viên chức tham nhũng phải từ chức. Như vậy, các phương tiện truyền thông đã làm tăng *hình phạt đối với tham nhũng*.

nhà hoạch định chính sách thực hiện các thay đổi thể chế làm giảm chi phí của họ. Tuy nhiên có nhiều cấu trúc thể chế hiện tại hạn chế hay ngăn cản cạnh tranh. Các điều luật quy định sự gia nhập thị trường có thể hạn chế cạnh tranh. Cạnh tranh cũng ảnh hưởng tới sự phân phối lợi ích giữa các thành viên thị trường. Vì vậy, nó làm tăng nhu cầu đối với các thay đổi thể chế trong số những người muốn duy trì lợi ích của mình khi điều kiện kinh tế thay đổi.

Cạnh tranh có thể làm cho các thể chế chính thức trở nên ít cần thiết hơn và làm giảm gánh nặng đối với các nhà quản lý. Những doanh nghiệp sử dụng nhiều năng lượng tại các thành phố hay trong các ngành công nghiệp ở Áchentina, Braxin, Chilê và Pêru hưởng lợi nhờ cạnh tranh từ các hệ thống đường dây truyền tải năng lượng đi xa. Vì vậy, các hãng

này sẽ ít đòi hỏi sự bảo hộ bằng các quy định của chính phủ hơn. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng có thể làm phức tạp hoạt động điều tiết các dịch vụ hạ tầng. Trước khi tư nhân hoá các doanh nghiệp độc quyền nhà nước ở nhiều quốc gia, các công ty độc quyền nhà nước trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng đã trợ cấp chéo cho những khách hàng nghèo. Sau khi đã tư nhân hoá, chính phủ thường cố gắng tìm cách cân bằng giữa các quy định bảo vệ khách hàng nghèo với đảm bảo lợi nhuận cho những hãng sản xuất lớn. Các sáng kiến mới như khuyến khích sự tham gia thị trường của những hãng nhỏ hoặc đôi khi là các doanh nghiệp không chính thức, có thể hữu ích trong việc phục vụ nhu cầu của các khách hàng nghèo.

### Cái gì ảnh hưởng tới tốc độ của sự thay đổi?

Các thay đổi thể chế xuất phát từ sự thay đổi mạng lưới, các lực lượng chính trị và xã hội. Các nhóm có lợi ích từ tình trạng hiện tại sẽ ủng hộ các thể chế sẵn có. Tính chính trị của cải cách thể chế đòi hỏi các nhóm này phải được đền bù do sự thay đổi thể chế. Một vấn đề khác cũng có tầm quan trọng tương tự đó là tính hiệu quả của các kiểu mẫu thể chế mà chính phủ áp dụng sẽ chịu ảnh hưởng của sự phân phối quyền lực chính trị. Ví dụ, các chính quyền địa phương nhiều quyền lực có thể ủng hộ các cơ quan điều tiết ở cấp địa phương.

Đôi khi các nhà hoạch định chính sách mong muốn cải cách có thể phải tạo nên những thể chế mới, hơn là điều chỉnh những thể chế có sẵn. Ngay cả khi sự thay đổi thể chế là đáng mong muốn, nhưng phí tổn của hành động tập thể, bao gồm cả chi phí thu thập thông tin, thực thi và cạnh tranh, quá lớn so với lợi ích có thể có được, thì việc hình thành một liên minh chính trị mới có tác dụng thúc đẩy thay đổi thể chế cũng sẽ gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, không phải tất cả các cải cách đều có khó khăn về mặt chính trị như nhau. Một số thể chế thiếu hiệu quả có thể tồn tại một phần, bởi lẽ, không có những nhóm lợi ích đòi hỏi sự thay đổi, chứ không phải vì có những nhóm lợi ích phản đối

sự thay đổi. Hoặc có thể những nhóm phản đối sự thay đổi không có quyền lực đáng kể về mặt chính trị. Cho dù vì lý do gì, thì các cải cách trong những lĩnh vực này cũng có thể được đẩy nhanh hơn. Và khi những cải cách này được những lực lượng ủng hộ mới thì chúng sẽ tạo ra các nhu cầu thay đổi lớn hơn.

Cấu trúc của xã hội, như sự bất bình đẳng và tính đa dạng dân tộc cũng có thể ảnh hưởng tới tốc độ cải cách thể chế. Các xã hội bị phân cực cao có thể gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thiết lập các thể chế đem lại lợi ích cho đại đa số

### Hộp 5

#### Các thể chế cho thị trường và khung phát triển toàn diện

Từ năm 1999, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra một cách tiếp cận mới đối với vấn đề giảm nghèo đói. Đó là khung phát triển toàn diện. Khung này nhằm tăng cường hiệu quả phát triển bằng cách cân bằng các yêu cầu kinh tế vĩ mô với các đặc điểm cấu trúc, con người và vật chất của phát triển.

Bốn nguyên tắc liên quan chặt chẽ với nhau trong khung này là:

- Quan điểm dài hạn và toàn diện về các yêu cầu và giải pháp cho phát triển.
- Quyền lớn hơn của các quốc gia đối với các chiến lược phát triển trên cơ sở sự tham gia và không loại trừ.
- Tăng cường quan hệ đối tác và phối hợp chiến lược giữa các bên hữu quan.
- Tính trách nhiệm đối với các kết quả phát triển thông qua các kết quả được đo lường.

Với phương pháp tiếp cận tổng thể, khung này nhìn nhận trực tiếp vai trò trọng tâm của các thể chế trong tiến trình phát triển. Các khía cạnh cấu trúc của phát triển như khung quản lý nhà nước có hiệu quả, hệ thống pháp luật và tư pháp, hệ thống điều tiết tài chính và mạng lưới an sinh xã hội không thể tách rời các nhân tố kinh tế vĩ mô, vật chất và con người. Việc nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau này hàm ý rằng, việc xác định các trở ngại thể chế và các mối liên hệ giữa các khu vực kinh tế là một nội dung trọng yếu của phát triển bền vững.

Khung này được mở rộng tới cách thức hoạt động của các thể chế. Trách nhiệm chính đối với phát triển được chuyển từ các tổ chức quốc tế tới chính phủ và nhân dân các quốc gia. Sự phối hợp cao hơn giữa các bên hữu quan bên trong và bên ngoài có nghĩa là, các thể chế cần phải có nhiều quá trình tham vấn và nhiều sự can thiệp mang tính lựa chọn hơn.

trong xã hội. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp trong đó các thể chế công cộng chính thức cần thiết cho việc thu hẹp khoảng cách giữa các nhóm tuân thủ các thông lệ khác nhau. Trong nhiều trường hợp, khủng hoảng kinh tế dẫn tới các cải cách thể chế, bởi vì chúng làm thay đổi tương quan của các lực lượng chính trị và xã hội trong nền kinh tế. Đổi mới công nghệ làm thay đổi lợi nhuận tương đối trong các hoạt động kinh tế, do vậy cũng làm phát sinh nhu cầu có các hình thức thể chế mới.

Phù hợp với Khung phát triển toàn diện (hộp 5), Báo cáo này có quan điểm dài hạn đối với phát triển, và tập trung vào tầm quan trọng của đối tác và hợp tác trong tiến trình phát triển. Nó cũng nhấn mạnh trách nhiệm của chính phủ và công dân các quốc gia trong tiến trình phát triển.

Thể chế hỗ trợ thị trường là một chủ đề lớn vì chúng rất khác nhau và hiện diện ở khắp nơi. Vì vậy vẫn còn nhiều điều cần phải biết từ chúng. Báo cáo này đưa ra một định hướng cho các nhà hoạch định chính sách trên cơ sở chất lọc từ lịch sử phát triển các thể chế và các bài học kinh nghiệm gần đây. Các kinh nghiệm này bao gồm những kinh nghiệm khác nhau của các nền kinh tế đang chuyển đổi trong thập niên vừa qua, sự đấu tranh vươn lên của nhiều nước nghèo trên khắp thế giới, và thành công của một số nền kinh tế mới nổi lên trong vài thập kỷ gần đây.

Báo cáo không giải quyết tất cả các vấn đề về thể chế trong mọi lĩnh vực mà chỉ tập trung vào những tập hợp các thể chế từ nhiều lĩnh vực để chỉ ra rằng, khung được xây dựng (gồm thông tin, thi hành, cạnh tranh) và thông điệp (bổ sung, đổi mới, liên kết và (một lần nữa) cạnh tranh) có thể được áp dụng ở mọi khu vực. Báo cáo không đi sâu vào các vấn đề cụ thể đã được nêu trong các Báo cáo Phát triển Thế giới trước đây, trừ khi có những bằng chứng mới trên các lĩnh vực này. Báo cáo này là một phần trong một loạt các báo cáo về các vấn đề phát triển quan trọng, là sự tiếp nối tự nhiên Báo cáo Phát triển thế giới 2000/2001, với nội dung: đề cập

tới vai trò trọng tâm của thị trường đối với đời sống người nghèo. Một số vấn đề quan trọng sẽ được dành cho Báo cáo Phát triển thế giới 2003 với nội dung: phát triển vốn con người, tự nhiên và môi trường cũng như vào sự liên kết và ổn định xã hội.

### Chú thích

1. Greif 1997.
2. North 1994; Coase 1937; Williamson 1985.
3. North 1993; Pistor và các tác giả khác 2000
4. Báo cáo Phát triển Thế giới 1998/1999. *Tri thức cho Sự phát triển* thảo luận về tầm quan trọng của các thể chế chia sẻ thông tin.
5. Djankov và các tác giả khác, sẽ xuất bản.
6. World Bank 2000.
7. Baker và Tremolet 2000.
8. Các học giả, kể cả North và Weingast 1989, đã viết về tầm quan trọng của thương mại nói chung trong việc khuyến khích sự thay đổi thể chế.
9. North 1993.
10. Andre và Platteau 1998.

### Tài liệu tham khảo

- Andre, Catherine, and Jean-Paul Platteau. 1998. "Land Relations under Unbearable Stress: Rwanda Caught in the Malthusian Trap." *Journal of Economic Behavior and Organization* 34(1): 1– 47.
- Baker, W., and S. Tremolet. 2000. "Unility Reform: Regulating Quality Standards to Improve Access for the Poor." World Bank Private Sector Note 219, October 2000. World Bank, Washington, D.C. Available online at: [www.worldbank.org/html/fpd/notes](http://www.worldbank.org/html/fpd/notes).
- Beck, Thorsten; Ross Levine, and Norman Loayza. 2000. "Finance and the Sources of Growth." *Journal of Financial Economics* 58(1– 2):261– 300.
- Besley, Timothy J, Sanjay Jain, and Charalambos Tsangarides. "Household Participation in Formal and Informal Institutions in Rural Credit Markets in Developing Countries". World Development Report 2002 background paper, World Bank, Washington, D.C.
- Coase, Ronald H. 1937. "The Nature of the Firm."

- Economica*, Vol. 4, pp. 386–405.
- De Soto, Hernando. 2000. *The Mystery of Capital. Why Capitalism Triumphs in the West and Fails Everywhere Else*. New York: Basis Books.
- Djankov, Simeon, Rafael La Porta, Florencio Lopez-de-Silanes, and Andrei Shleifer. Forthcoming. "Regulation of Entry". *Quarterly Journal of Economics*. World Development Report 2002 background paper, World Bank, Washington, DC.
- Greif, Avner. 1997. "On the Social Foundations and Historical Development of Institutions the Facilitate Impersonal Exchange: From the Community Responsibility System to Individual Legal Responsibility In Pre-Modern Europe". Stanford University, Economics Department Working Paper, 12 June 1997.
- Islam, Roumeen, and Claudio E. Montenegro. "The Determinants of the Quality of Institutions: A Study in a Cross Section of Countries". World Development Report 2002 background paper, World Bank, Washington, DC.
- Kawagoe, Toshihiko. 1998. "Technical and Institutional Innovations in Rice Marketing in Japan." in Yujiro Hayami (ed.) *Toward the Rural-Based Development of Commerce and Industry*. Education Development Institute Learning Resources Series. World Bank, Washington, D.C.
- La Porta, Rafael, Florencio Lopez-de-Silanes, and Andrei Shleifer. 1999. "Corporate Ownership Around the World." *Journal of Finance* 54(2):471–517.
- Lex Mundi, Harvard University, and The World Bank. "Judicial Project". World Development Report 2002 background paper, World Bank, Washington, D.C.
- North, Douglass C. 1993. "Competition and Values in the Rise of the West". *Swiss Review of World Affairs* 11:23–24.
- . 1994. "Integrating Institutional Change and Technical Change in Economic History: A Transaction Cost Approach." *Journal of Institutional and Theoretical Economics* 150(4) 609–624.
- North, Douglass C., and Barry Weingast. 1989. "Constitutions and Commitment: The Evolution of Institutions Governing Public Choice in Seventeenth-Century England." *Journal of Economic History* 49(4):803–832.
- Pistor, Katharina, Yoram Keinan, Jan Kleinheisterkamp, and Mark West. 2000. "The Evolution of Corporate Law." World Development Report 2002 Background Paper, World Bank, Washington, D.C.
- Williamson, Oliver E. 1985. "Reflections on the New Institutional Economics." *Zeitschrift für die gesamte Staatswissenschaft* 141(1):187–95.
- World Bank. 2000. *Can Africa Claim the 21st Century?* Washington D.C.
- . 2001. *World Development Report 2000/2001: Attacking Poverty*. New York: Oxford University Press.
- Yunus, Muhammad. 1997. *Banker to the Poor: Micro-Lending and the Battle against World Poverty*. New York: Public Affairs.